

Số: 1036/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 05 tháng 11 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục 02 thủ tục hành chính mới và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số Quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 191/TTr-SNNPTNT ngày 03/11/2020.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này:

1. Công bố Danh mục gồm 02 thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định số 4044/QĐ-BNN-TCLN ngày 14/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục I kèm theo).

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đối với 02 thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục II kèm theo).

**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện công khai thủ tục hành chính và quy trình nội bộ được Chủ tịch UBND tỉnh công bố, phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ quyết định thời điểm thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định Hệ thống bảo đảm gỡ hợp pháp Việt Nam.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng CNTT);
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Bưu điện tỉnh;
- Lưu: VT, NC. *VT*

**CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*  
**Võ Ngọc Thành**



**Phụ lục I**  
**MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP**  
**VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
 Ban hành kèm theo Quyết định số: **1036** /QĐ-UBND ngày **05** Tháng **11** năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện/Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
01	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	- 04 ngày làm việc. - 06 ngày làm việc (trường hợp có thông tin vi phạm).	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường điện tử hoặc qua hòm thư điện tử tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Địa chỉ: số 69 Hùng Vương - Tp.Pleiku - tỉnh Gia Lai.	Không	Điều 8, Điều 9 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định Hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp Việt Nam.
02	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	- 01 ngày làm việc (Trường hợp không phải xác minh). - 04 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh). - 13 ngày làm việc (Trường hợp nghi ngờ cần kiểm tra xác minh).	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua bưu điện hoặc qua môi trường điện tử tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Địa chỉ: số 69 Hùng Vương - Tp.Pleiku - tỉnh Gia Lai.	Không	Chương III Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.

*Mưu*

*112*

## PHỤ LỤC II

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
THAM QUẢN QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1036 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)



TT	Các bước	Trình tự thực hiện	Bộ phận, cán bộ công chức, viên chức giải quyết hồ sơ	Thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Trình các cấp có thẩm quyền cao hơn (nếu có)	Mô tả quy trình
<b>1. Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu</b>							
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm PVHCC tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục Kiểm lâm).	02 giờ	Bưu điện tỉnh		Nhân viên Bưu điện tỉnh tại quầy Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử xuất phiếu hẹn ngay sau khi nhận đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định. Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ (trả lời ngay khi nộp hồ sơ trực tiếp; 01 ngày làm việc khi nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng hoặc qua hòm thư điện tử hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản cho chủ gỗ để hoàn thiện hồ sơ).
2	Bước 2	Phân công và xử lý hồ sơ.	Chi cục Kiểm lâm	03 ngày			Cán bộ, công chức chuyên môn thuộc Chi cục Kiểm lâm

*Handwritten signature*




TT bước	Trình tự thực hiện	Bộ phận, cán bộ công chức, viên chức giải quyết hồ sơ	Thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Trình các cấp có thẩm quyền cao hơn (nếu có)	Mô tả quy trình
3	Kiểm tra thực tế 16 hàng gỗ xuất khẩu. Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	04 giờ			đổi chiều quy định hiện hành tham mưu xác nhận của Chi cục Kiểm lâm trên bảng kê gỗ; Trường hợp không xác nhận bảng kê gỗ, tham mưu văn bản thông báo và nêu rõ lý do. Xem xét, xác nhận trên Bảng kê gỗ hoặc Bảng kê sản phẩm gỗ; Ký duyệt thông báo không xác nhận bảng kê gỗ hoặc Bảng kê sản phẩm gỗ.
4	Bước 4 Trả kết quả	Trung tâm PVHCC (quây Sỡ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).	02 giờ	Bưu điện tỉnh		Văn thư Chi cục ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả đính lên hệ thống điện tử. Kết quả gửi chuyên môn lưu, giao TTPVHCC (quây Sỡ Nông nghiệp và PTNT). Nhân viên Bưu điện tỉnh tại quầy Sỡ Nông nghiệp và PTNT lưu hồ sơ, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.
<b>Tổng cộng</b>			04 ngày làm việc			

Lưu ý: Trường hợp có thông tin vi phạm thì thời hạn giải quyết là 06 ngày làm việc

*M...*

*HL*

TT	 Các bước thực hiện	Bộ phận, cán bộ công chức, viên chức giải quyết hồ sơ	Thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Trình các cấp có thẩm quyền cao hơn (nếu có)	Mô tả quy trình
<b>2. Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ</b>						
1	Bước 1 Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm PVHCC tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục Kiểm lâm).	02 giờ	Bưu điện tỉnh		Nhân viên Bưu điện tỉnh tại quầy Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử xuất phiếu hẹn ngay sau khi nhận đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định. Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ (trả lời ngay khi nộp hồ sơ trực tiếp; 01 ngày khi nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua bưu điện hoặc qua môi trường điện tử).
2	Bước 2 Thẩm định	Chi cục Kiểm lâm	02 giờ (đối với trường hợp không phải xác minh) 03 ngày (đối với trường hợp phải xác minh) 10 ngày 04 giờ (đối với trường hợp)			Cán bộ, công chức chuyên môn thuộc Chi cục Kiểm lâm đối chiếu quy định hiện hành tham mưu Phân loại doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp.

*Ma*


*HP*

TT	Các bước	Trình tự thực hiện	Bộ phận, cán bộ công chức, viên chức giải quyết hồ sơ	Thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Trình các cấp có thẩm quyền cao hơn (nếu có)	Mô tả quy trình
			hợp nghị ngữ cần kiểm tra xác minh)	02 giờ (đối với trường hợp không phải xác minh)			Xem xét, phê duyệt Phân loại doanh nghiệp trên hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp.
3	Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	04 giờ (đối với trường hợp phải xác minh)			
4	Bước 4	Trả kết quả	Trung tâm PVHCC tỉnh (quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).	02 giờ	Bưu điện tỉnh		



*Mua*

*HT*

TT	 Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu	Bộ phận, cán bộ công chức, viên chức giải quyết hồ sơ	Thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Trình các cấp có thẩm quyền cao hơn (nếu có)	Mô tả quy trình
<b>Tổng cộng</b>						
- 01 ngày (đối với trường hợp không phải xác minh) - 04 ngày (đối với trường hợp phải xác minh) - 13 ngày (đối với trường hợp nghi ngờ cần kiểm tra xác minh)						